

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 (đợt 1)  
của trường THPT Lê Hồng Phong

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị ngành giáo dục (Đợt 1);

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách kế toán nhà trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 (đợt 1) của Trường THPT Lê Hồng Phong (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: trên trang website của Trường THPT Lê Hồng Phong

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, kế toán, cá nhân có liên quan nhà trường căn cứ Quyết định này ./

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công TTĐT trường;
- Lưu: KT, VP.



**ĐINH HỒNG TIỆP**

Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong  
Mã quan hệ ngân sách: 1018915  
Chương: 422

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số ~~14~~ 14/QĐ-THPTLHP ngày 21 / 3 /2025 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Hồng Phong)



Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                            | Dự toán được giao |
|-------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|
| A.    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                      | 9.062             |
| I     | Chi sự nghiệp giáo dục                                              | 9.062             |
| 1     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                    | 8.677             |
| 1.1   | Kinh phí theo định mức thường xuyên                                 | 7.540             |
| 1.1   | Kinh phí tăng lương cơ sở theo NĐ 24/2023/NĐ-CP và NĐ 73/2024/NĐ-CP | 1.137             |
| 2     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                              | 385               |
| 2.1   | Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP                     | 385               |